

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HT
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2024/DS-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v “Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Nương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Nguyễn Tiến Dũng**.
- Bà **Nguyễn Thị Bích Liễu**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Thái Thị Thuý Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Lâm Thuý Vi** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S1** (gọi tắt là S2); trụ sở: số 266-268, N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**- chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền của bà D là ông Nguyễn Thanh B. Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Thanh B: Bà **Trần Lam T**, sinh năm 1998; chức vụ: Chuyên viên kinh doanh thẻ. Địa chỉ: Số C, ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. (theo văn bản uỷ quyền ngày 10/4/2024) (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T1**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, Khu phố A, Phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Lam T trình bày:**

Ngày 16/10/2022, bà Nguyễn Thị Thu T1 đề nghị S2 cấp khoản vay tín chấp dưới dạng phát hành thẻ tín dụng. Ngày 18/10/2022 S2 đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức thẻ 38 triệu đồng. Lãi suất lúc phát hành thẻ là 31,2%/năm. Ngày 28/02/2023, căn cứ hạn mức 38 triệu đồng đã được duyệt, bà Nguyễn Thị Thu T1 sử dụng thẻ Tín dụng như sau:

Tháng 11 năm 2022 bà T1 có phát sinh 5 giao dịch trong đó có 3 giao dịch sử dụng thẻ như rút tiền mặt là 21.000.000 đồng và mua hàng, phát sinh 2 giao dịch phí lãi 309.200 đồng nên dư nợ cuối tháng 11 còn lại là 21.309.200 đồng. Tháng 12 năm 2022 bà T1 có phát sinh 5 giao dịch trong đó có 1 giao dịch mua hàng là 17.995.000 đồng và 3 giao dịch phát sinh phí lãi là 373.035 đồng và có 1 giao dịch thanh toán 640.000 đồng nên dư nợ cuối tháng 12 là 39.783.304 đồng. Tháng 01 năm 2023 do bà T1 không thanh toán đúng hạn nên phát sinh 3 giao dịch bao gồm phí, lãi, phí vượt hạn mức là 1.363.567 đồng nên dư nợ cuối tháng 01 là 41.146.871 đồng. Tháng 02 năm 2023 bà T1 có 2 giao dịch thanh toán 5.430.000 đồng và 1 giao dịch phát sinh lãi nên dư nợ cuối tháng 02 là 36.746.104 đồng. Tháng 03 năm 2023 bà T1 không thanh toán đúng hạn nên phát sinh 2 giao dịch phí và lãi là 1.049.048 đồng nên dư nợ cuối tháng 03 là 37.795.152 đồng. Tháng 04 năm 2023 bà T1 không thanh toán đúng hạn nên phát sinh 3 giao dịch trong đó có 2 giao dịch phí và lãi là 1.151.015 đồng và 1 giao dịch thanh toán 1.300.000 đồng nên dư nợ cuối tháng 04 là 37.646.167 đồng. Tháng 05 năm 2023 bà T1 phát sinh 2 giao dịch trong đó có 1 giao dịch lãi là 1.009.155 đồng và 1 giao dịch thanh toán 2.065.623 nên dư nợ cuối tháng 05 là 36.589.699 đồng. Tháng 06 năm 2023 bà T1 không thanh toán phát sinh 2 giao dịch phí trễ hạn và lãi là 1.146.524 đồng nên dư nợ cuối tháng 06 là 37.736.223 đồng. Tháng 07 năm 2023 bà T1 có 2 giao dịch 1 giao dịch phát sinh lãi là 996.719 đồng và 1 giao dịch thanh toán là 2.229.778 đồng nên dư nợ cuối tháng 07 là 36.503.164 đồng. Tháng 08 năm 2023 bà T1 không thanh toán đúng hạn nên phát sinh 2 giao dịch bao gồm phí 100.000 đồng và lãi là 1.044.013 đồng nên dư nợ cuối tháng 08 là 37.647.177 đồng. Tháng 09 năm 2023 bà T1 có 2 giao dịch lãi là 1.043.442 đồng và có thanh toán 2.224.510 đồng nên dư nợ cuối tháng 09 là 36.466.109 đồng.

Từ tháng 10/2023 đến tháng 01/2024 bà T1 không thực hiện thanh toán cho ngân hàng nên phát sinh 4 kì lãi và phí trễ hạn và 2 kì phí vượt hạn mức nên dư nợ cuối tháng 01 là 41.756.922 đồng. Đến tháng 01/2024 thẻ tín dụng của bà T1 đã chuyển nhóm 3 nên áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định, lãi quá hạn đến ngày 30/09/2024 là 17.279.050 đồng.

Đến ngày 30/09/2024, bà T1 nợ tiền gốc, lãi, phí trong hạn là 41.756.922 đồng và L quá hạn là 17.279.050 đồng. Tổng cộng là 59.035.972 đồng.

Nay ra tòa bà Trần Lam T đại diện theo uỷ quyền cho Ngân Hàng Thương

Mại Cổ Phần S1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 phải trả cho S2 số tiền 59.035.972 đồng. Đồng thời bà Nguyễn Thị Thu T1 còn phải trả lãi quá hạn theo quy định, phát sinh sau ngày 30/09/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng vay.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến phiên tòa nên không có trình bày.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S1, buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 phải thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là 59.035.972 đồng. Sau ngày 30/9/2024 cho đến khi trả hết nợ bà T1 còn phải chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng với ngân hàng; T2 án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trần Lam T vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Ngày 16/10/2022, bà Nguyễn Thị Thu T1 đề nghị S2 cấp khoản vay tín chấp dưới dạng phát hành thẻ tín dụng. Ngày 18/10/2022 S2 đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức thẻ 38.000.000 đồng. Lãi suất lúc phát hành thẻ là 31,2%/năm.

Ngày 28/02/2023, căn cứ hạn mức 38 triệu đồng đã được duyệt, bà Nguyễn Thị Thu T1 sử dụng thẻ Tín dụng như sau. Từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 09 năm 2023 thì bà T1 có giao dịch và nộp gốc lãi cho ngân hàng.

Từ tháng 10/2023 đến tháng 01/2024 bà T1 không thực hiện thanh toán cho ngân hàng nên phát sinh 4 kì lãi và phí trễ hạn và 2 kì phí vượt hạn mức nên dư nợ cuối tháng 01/2024 là 41.756.922 đồng. Đến tháng 01/2024 thẻ tín dụng của bà T1 đã chuyển nhóm 3 nên áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định, lãi quá hạn đến ngày 30/09/2024 là 17.279.050 đồng. Do bà T1 không thanh toán nợ cho Ngân hàng đúng hạn theo hợp đồng vay với Ngân hàng S2 là vi phạm nghĩa

vụ trả nợ.

[3]. Tại phiên tòa, bà Trần Lam T đại diện theo uỷ quyền cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2024 là 59.035.972 đồng. Sau ngày 30/9/2024 cho đến khi trả hết nợ bà T1 còn phải chịu tiền lãi theo thoả thuận trong hợp đồng với ngân hàng.

[4]. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến phiên tòa nên không có trình bày. Bà S phải chịu trách nhiệm về việc không đến phiên tòa để trình bày.

[5]. Qua xem xét hồ sơ vụ án thể hiện Ngân hàng S2 có cấp thẻ tín dụng hạn mức 38.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thu T1. Lãi suất lúc phát hành thẻ: 31,2%/năm, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. Bà Nguyễn Thị Thu T1 bắt đầu sử dụng thẻ từ tháng 11 năm 2022, dư nợ đến tháng 01/2024 là 41.756.922 đồng. Do bà T1 không thanh toán tiền cho ngân hàng đúng hạn. Từ ngày 10/11/2023, khoản vay của bà Nguyễn Thị Thu T1 đã chuyển nhóm nợ xấu. Do đó, nay Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2024 là 59.035.972 đồng đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T1 phải chịu án phí là: 2.951.500 đồng.

[7]. Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S1 đối với bà Nguyễn Thị Thu T1 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S1 số tiền gốc, lãi, phí trong hạn là 41.756.922 đồng và L quá hạn là 17.279.050 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 59.035.972 đồng (Năm mươi chín triệu không trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).

Bà T1 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày 30/9/2024 đối với số tiền dư nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 phải chịu 2.951.500 đồng (Hai triệu chín trăm năm mươi một nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.170.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011076 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Kim Nương